

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN BÌNH CHÁNHĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày: 22 - 01-2024.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Duy Linh*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Bà Trần Thị Đúng

*Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.*

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 342/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 341/2023/QĐXXST-HS ngày 28 ngày 12 năm 2023 đối với bị cáo:

**Lê Công K** (tên gọi khác: **T**), sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: 370/10 **N, Tổ 20, Khu phố B, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**; Chỗ ở: 75/33 **tổ B, Ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Họ tên cha: **Lê Văn T1**, sinh năm: không rõ; Họ tên mẹ: **Đặng Thị T2** (đã chết); Họ tên vợ: **Lê Thị H**, sinh năm: 1979 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị hại: **Công ty TNHH T5**;

Địa chỉ: **F Q, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện: Ông **Trần Ngọc D**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: **C N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: **F tổ A, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Công K là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn T5, địa chỉ F Tổ H, ấp F, xã V, huyện B do ông Trần Ngọc D làm giám đốc, cũng là chủ sở hữu công ty H1 D. K và công ty H1 D không ký hợp đồng lao động nhưng hàng tháng công ty trả lương cho K từ nguồn tiền của công ty, khi làm việc tại công ty thì mọi người thường gọi K tên T1 (tuy nhiên ông D không lập danh sách nhân viên cũng như ký nhận lương mà ghi vào cuốn sổ tay nhỏ bên ngoài ghi tên “T1” để ghi nhớ việc trả lương và ứng lương của K), nhiệm vụ của K hàng ngày đến công ty làm việc từ sáng đến chiều, khi có khách hàng đặt công ty mua sắt thì K phụ chất sắt lên xe ba gác của công ty, sau đó gặp ông D lấy hoá đơn bán lẻ đem theo giao sắt và thu tiền về đưa lại cho Công ty ông D.

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/6/2022, ông D có giao cho K sử dụng xe ba gác để chở một số sắt cây giao cho khách là ông Nguyễn Văn T3 tại địa chỉ Tổ A, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi đi ông D đưa cho K một tờ hóa đơn bán hàng sắt với số tiền là 31.700.000 đồng và nói rõ là khi giao hàng thì đưa hóa đơn cho ông T3, lấy tiền hàng về cho công ty ngay. Sau đó, K điều khiển xe ba gác chở sắt đi giao tại nhà ông T3, K đưa hóa đơn trên cho ông T3, ông T3 nhận đủ số sắt trên theo yêu cầu. Ông T3 đưa K số tiền là 30.000.000 đồng và nói đưa số tiền này cho ông D thì K không hỏi và nói gì thêm. K lấy số tiền 30.000.000 đồng để lên đầu rồi lấy nón kết đội lên đầu che tiền lại (Có camera nhà ông T3 ghi lại hình ảnh K giao hàng và nhận tiền). Trên đường về lại công ty, K nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân nên đã điều khiển xe ba gác đến đậu trước tiệm S (nơi K thường sửa xe) tại địa chỉ KF12/18, Q, Tổ A, Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và nhờ Nguyễn Văn Minh T4 là chủ tiệm sửa xe cho để xe ba gác ở đây và nói chút nữa có người của công ty ông D qua lấy, anh T4 đồng ý. Sau đó, K lấy xe máy của K đã gửi tại tiệm sửa xe trước đó đi về nhà trọ tại 7, Tổ B, ấp G, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi K tắt máy điện thoại và lấy sim điện thoại vứt bỏ để cho ông D và ông T3 không liên lạc được. Số tiền 30.000.000 đồng, K chiếm đoạt sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Do không thấy K mang tiền về cho công ty, ông D liên hệ với K không được nên ngày 25/6/2022 ông D trình báo sự việc. Công an xã V lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, ông Trần Ngọc D, ông Nguyễn Văn T3 và ông Nguyễn Văn Minh T4 trình bày nội dung sự việc như trên.

Qua xác minh được biết Lê Công K không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, đi đâu không rõ. Ngày 22/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định truy tìm người số: 74/QĐ-CQĐT-HS đối với K.

Ngày 01/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện K tại xã B, huyện H nên mời về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện B làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Lê Công K khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Về đồ vật thu giữ và vật chứng vụ án:

- 02 (hai) USB bên trong chứa dữ liệu liên quan vụ án.

- 01 (một) hóa đơn bán lẻ ngày 23/6/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 D.

- 01 (một) nón kết màu xám không rõ nhãn hiệu thu giữ của Lê Công K.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSBC ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Công K về tội “Tham ô tài sản” khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

### ***Tại phiên tòa:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 353, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Công K từ 02 đến 03 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Xử lý vật chứng: bảo lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) USB bên trong chứa dữ liệu liên quan vụ án và 01 (một) hóa đơn bán lẻ ngày 23/6/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T5; tịch thu và tiêu hủy 01 (một) nón kết màu xám không rõ nhãn hiệu.

Bị cáo Lê Công K khai nhận hành vi như trên, đồng ý bồi thường cho công ty H1 D và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 D có ông Trần Ngọc D là đại diện hợp pháp yêu cầu bồi thường số tiền 28.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Công K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng, các chứng cứ và tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Ngày 23/6/2022, K được ông Trần Ngọc D là giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 D giao nhiệm vụ đi giao sất cây cho khách hàng là ông Nguyễn Văn T3 tại địa chỉ Tổ A, Ấp F xã V, huyện B và lấy số tiền 31.700.000 đồng về cho công ty. Sau khi giao hàng xong, K đã nhận được số tiền 30.000.000 đồng, nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của

công ty lấy tiền tiêu xài cá nhân và bỏ trốn. Số tiền mà bị cáo **K** chiếm đoạt là 30.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, muốn có nhiều tiền tiêu xài mà không cần bỏ công sức ra lao động nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, do đó cần phải xử lý nghiêm.

[4] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng hành vi, đúng tội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt nghiêm, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về vật chứng vụ án:

[7] 01 (một) nón kết màu xám không rõ nhãn hiệu thu giữ của **Lê Công K**. Là tài sản của bị cáo đội khi thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[8] 02 (hai) USB bên trong chứa dữ liệu liên quan vụ án và 01 (một) hóa đơn bán lẻ ngày 23/6/2022 của **Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 D** là tài liệu liên quan vụ án nên tiếp tục bảo lưu cùng hồ sơ vụ án.

[9] Về dân sự: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 D** yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 28.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, và khung hình phạt đối với bị cáo cũng như xử lý vật chứng vụ án và chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Công K 02 (hai) năm** tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành hình phạt.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu và tiêu huỷ: 01 (một) nón kết màu xám.

(Vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao nhận tang tài vật ngày 14/8/2023 giữa **Công an huyện B** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

Bảo lưu hồ sơ vụ án: 02 (hai) USB bên trong chứa dữ liệu liên quan vụ án và 01 (một) hóa đơn bán lẻ ngày 23/6/2022 của **Công ty trách nhiệm hữu hạn H1 D**.

Về dân sự: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho **Công ty TNHH H1 D** số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 41, 236, 239 và 243 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm 1.400.000 (một triệu bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (1)
- VKSND huyện Bình Chánh; (1)
- CA huyện Bình Chánh; (1)
- Chi cục THADS H. Bình Chánh; (1)
- PV06 - Công an TPHCM; (1)
- Sở tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đường sự; (2)
- Lưu. (3)



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Duy Linh**